

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Đức Sơn (I)

Tiểu sử

(Xin xem *Vài hàng về tiểu sử*)

Tác phẩm

(Xin xem *Vài hàng về tiểu sử*)



Tranh Đinh Cường

Mục Lục

- Vài hàng về tiểu sử - Wikipedia – 2
- Thi sĩ kỳ dị Nguyễn Đức Sơn – Nguyễn Đạt – 4
- Cách sống của Nguyễn Đức Sơn – Nguyễn Thụy Long - 8
- Nguyễn Đức Sơn, nhà thơ – Nguyễn Mạnh Trinh - 14
- Nhớ về thi sĩ Nguyễn Đức Sơn - Đinh Cường – 19
- Đụng độ Nguyễn Đức Sơn – Bùi Chí Vịnh - 23

Phụ đính: Chùm thơ Nguyễn Đức Sơn

Trên bờ hư không - Đêm khơi – Nhấn – Sau khi tắm
Chuyện ngày xưa – Sự thật - Đêm nguyệt động
Một sáng hồng - Qua mười sáu năm - Bọt nước
Từ đó – Viễn cảnh – Dưới trời - Không ai ngăn
Đàn vậ sao – Dưới trăng tà...ôm bóng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tiểu sử Wikipedia

Nguyễn Đức Sơn là nhà thơ quê gốc Thừa Thiên Huế.
Ông sinh ngày 18 tháng 11 năm 1937 tại làng Dư Khánh, tỉnh Ninh Thuận.

Sự nghiệp

Nguyễn Đức Sơn bắt đầu công việc viết của mình với bút hiệu Sao Trên Rừng ^[1]. Ông được coi là một người có cá tính đặc biệt. Tuổi còn trẻ nhưng thơ đã chớm hoài nghi, đã thắc mắc về những câu hỏi đầy tính siêu hình.

Theo sự sắp xếp của làng văn miền Nam trước năm 1975, ông được sắp xếp là một trong tứ trụ thi ca của miền Nam, ba người còn lại là Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên.

Thi sĩ đã từng theo học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn nhưng nửa chừng bỏ học. Trong lý lịch trích ngang trong tập thơ Những Bài Tình Đầu, ông viết : " Sống vô gia cư, chết vô địa táng..." và tuyên bố: "Nếu trường Đại học Văn khoa Sài Gòn sản sinh ra được một nhà văn nhà thơ nổi tiếng tôi xin chịu chặt đầu."

Ông ở nhiều nơi Phan Rang, Sài Gòn, Bình Dương-Thủ Dầu Một, Błao-Lâm Đồng và sinh sống bằng nghề dạy học.

Năm 1979, Ông cùng gia đình mình rời bỏ chốn phồn hoa đô thị chuyển lên ngọn núi Phương Bối, Lâm Đồng để ... sống một cuộc sống thanh tịnh.

Hiện ông sống tại Phương Bối, Bảo Lộc, Lâm Đồng, Ông nổi tiếng là lão thi sĩ vạn thông (vì ông trồng một vạn cây thông) với biệt danh Sơn Núi.

Tác phẩm

Các tác phẩm của ông ca ngợi tinh thần tự do, yêu đất nước. Một số tác phẩm tiêu biểu:

- Bọt nước (thơ, 1965)
- Hoa cô độc (thơ, 1965)
- Lời ru (thơ, 1966)
- Đêm nguyệt động (thơ, 1967),
- Cát bụi mệt mỏi (truyện ngắn, 1968)
- Cái chuông khỉ (truyện ngắn, 1969)
- Xóm chuông ngựa (truyện ngắn, 1971)
- Tịnh khẩu (1973)

Nhà thơ "dị nhân"

"...Khi Chế Lan Viên muốn tỏ ra ngông, ông đòi cỡi trường để tắm trăng; còn Nguyễn đức Sơn thì lại lăn cù trên bờ biển, rồi ngủ quên trên bờ biển, nửa khuya bị mưa ướt, thức dậy tự hỏi mình: "đã đời chưa con?" (Trích "Văn học miền Nam" của Võ Phiến.)

" Nguyễn Đức Sơn như một con tê giác cứ húc bừa húc bãi bề phía trước như có một ngọn lửa đốt thâm tâm. Ông lao về những đích đến nhiều khi không định hướng bởi sự thôi thúc nào đó. Với người, ông cáu kỉnh gây sự, không lý gì đến bạn mà cũng chẳng ngại ngừng gì với thù, nói và viết theo ý riêng mình kiểu của một kẻ quen sống đơn độc trong cách ăn nói cư xử có sự ngiệt ngã phê phán quá đáng. Nhưng với thiên nhiên thì mở lòng ra, thoải mái rất thông dong

ở những vùng biển vùng núi của những quá khứ của cuộc sống đã qua của những mơ ước đã có, đã hằng hiện hữu..." (Nhà văn Bửu Ý)

Câu nói

" Đố ai không bảo tôi tục tĩu dâm dục bởi vì quả thật tôi có tục tĩu, dâm dục! Đó mới là chỗ chết, cho bao nhiêu bài thơ tức thờ kia vì trót đụng tới Càn Khôn Tịch Mịch ".

" Tôi viết vì bị thúc đẩy bởi một lực ở đằng sau và được thu hút bởi một lực ở phía trước. Đó là những ma lực làm tôi cảm khoái huyền diệu xa xăm. Thứ cảm khoái này kéo dài được chứ không ngắn như nhục cảm. Viết được một đoạn hay tôi đi lên đi xuống thường thức và khoái trí. Nên tôi nghĩ rằng sáng tác cho mình trước hết. (Trả lời bài phỏng vấn của tạp chí Bách Khoa).

Gia đình

Năm 1967 Nguyễn Đức Sơn lấy bà Nguyễn Thị Phượng. Đám cưới ông bà được tổ chức tại chùa Tây Tạng, Thủ Dầu Một-Bình Dương.

Nhà thơ Nguyễn Đức Sơn có 9 người con. Người con thứ tư của ông là Nguyễn Đức Vân. Ông là người " nổi tiếng hơn cả", vì ông được cho là " người có gương mặt giống hệt... Tổng thống Mỹ Barack Obama ^[3].

Nguyễn Đức Vân là một tu sĩ, ông sinh năm 1973 tại Sài Gòn. Ông xuất gia từ năm 12 tuổi, ông viết báo (Báo Giác Ngộ), làm thơ, sáng tác nhạc và ... hát.

(Xem “Nguyễn Đức Vân - nhà sư, thi sĩ đào núi trồng sim” của tác giả Nguyễn Anh, trang 21: “Tác giả và Tác phẩm Nguyễn Đức Sơn II”)

Chú thích

1- Lấy bút hiệu từ một câu thơ trong bài “Trên bờ hư không”

2 - Đám cưới cử hành tại Đại điện chùa Tây Tạng, Thượng Toạ Thích Trì Bản, trụ trì chùa, cậu ruột của cô dâu Nguyễn thị Phượng đại diện nhà gái vừa là chủ hôn (Phượng mồ cô cha mẹ ở với cậu từ nhỏ), Đại đức Thích Thanh Tuệ, đại diện nhà trai, Đại đức Thích Nguyên Tấn (Phạm Công Thiện) và nhà văn Bửu Ý phụ rể.

3- Một người Việt giống hệt Tổng thống Obama (Nguyễn Đức Vân), Kênh 14.



(Nguyễn Đức Sơn tại Phương Bôi, Bảo Lộc, Lâm Đồng)

Thi sĩ kỳ dị Nguyễn Đức Sơn Nguyễn Đạt

*Tôi chỉ có lửa
Và tịch mịch
Trong người
NĐS*

Nhà thơ dĩ nhiên là tác giả của những bài thơ, và nhà thơ chỉ có nghĩa đơn thuần như vậy. Khi tôi biết một nhà thơ -tác giả, với những bài thơ của nhà thơ đó -tác phẩm, cả hai -tác giả&tác phẩm, là một, là không thể tách rời, thì tôi gọi nhà thơ ấy là thi sĩ. Tôi thấy ở Việt Nam không nhiều thi sĩ lắm đâu, mà chỉ có rất nhiều nhà thơ, mỗi nhà thơ lại có rất nhiều bài thơ, cực kỳ nhiều, đăng trên báo in thành sách vô số kể. Tôi muốn nói rõ thêm: chẳng cần thiết tôi phải quen biết thi sĩ đó, biết đời sống thi sĩ đó ra sao, mà chỉ qua vài bài thơ tôi được đọc, tôi tin rằng tôi biết đầy đủ là tác phẩm của một thi sĩ.

Những năm 1960 tôi được đọc bài thơ nhan đề “Đi thăm bạn sắp đẻ ở Di Linh” của Nguyễn Đức Sơn trên tạp chí Văn Nghệ, do nhà văn Lý Hoàng Phong, -anh ruột thi sĩ Quách Thoại, chủ trương, xuất bản tại Sài Gòn. Và thêm một bài thơ nhan đề “Người buồn”, Nguyễn Đức Sơn dịch thơ Heinrich Heine -thi sĩ Đức lớn nhất thế kỷ 19, cũng trên tạp chí Văn Nghệ. Đọc hai bài thơ vừa kể trên, tôi thấy Nguyễn Đức Sơn là thi sĩ, cũng như chỉ cần đọc một bài thơ rất ngắn, “Thước dục” của Quách Thoại, thấy Quách Thoại là thi sĩ. Bài thơ “Đi thăm bạn sắp đẻ ở Di Linh”, tới lúc này, nghĩa là sau hơn nửa thế kỷ, tôi vẫn thuộc lòng, ghi lại dưới đây:

Đi thăm bạn sắp đẻ ở Di Linh

Sắp đẻ ở Di Linh cây cối chào chị
Sắp đẻ ở hư không rừng và chị ôm nhau hát
Tôi giấu mặt đi ven hồ lạnh giá
Căn nhà gỗ phần mộ thanh xuân
Những ván thông dày đặc gỗ quan tài
Của tóc của chị của tình nhân
Của dương cầm bỏ phế đúng một năm
Sắp đẻ ở Di Linh cô đơn hùng dũng
Chị thu mình như một con mèo mun
Chị thu mình như một vũ nữ Ba Lan
Chị thu mình như một đĩa hát cũ
Oh, my tormented heart
Buổi chiều chết trên cây thánh giá
Hãy quên tôi như một mũi tên
Hãy quên tôi như một loài chim đêm
Anh đưa chị về đây để tự vận
Chị thổ huyết ba lần tôi chứng kiến
Khi rừng già thấp xuống thấp xuống
Buổi sáng chị tắm sương mù
Buổi chiều chị đốt cỏ để hong đời chị
Hiu hắt như đời tôi chị đứng lên
Hai mươi bảy năm tuột mất thanh xuân
Ồi nắng vàng dòng thác Gougah
Rừng và chị ôm nhau hát

Sẽ đẻ ra một đứa con Rừng và chị ôm nhau chết

Một buổi sáng trong năm 1970, tôi gặp Nguyễn Đức Sơn lần đầu, trước cửa một căn phòng trên lầu 1 của một ngôi nhà ở đường Trần Quang Khải, Tân Định-Sài Gòn, nhà viết tiểu luận, phê bình mỹ thuật Huỳnh Hữu Ủy thuê trọ tại đây. Tôi biết đây là thi sĩ Nguyễn Đức Sơn, thấy ông nhiều lần, phục sức xuề xòa, y phục của ông thầy chùa đang ở trong chùa. Ông thầy chùa đội nón lá, đi chiếc xe đạp cọc cạch, vào một ngõ hẻm đường Trần Quang Khải: chùa Vạn Thọ hay một ngôi chùa nào đấy, ở trong ngõ hẻm đó. Thi sĩ Nguyễn Đức Sơn, lúc ấy đã bỏ chiếc nón lá, tóc hớt ngắn gần như trọc, đầu ông thầy chùa, nắm tay người thi sĩ đám thình thình vào cánh cửa phòng đóng kín, nói lấp bắp, lớn tiếng: “Chắc chắn có án mạng trong căn phòng này... Chắc chắn Huỳnh Hữu Ủy đã bị thủ tiêu rồi...”. Tôi không nói gì, đi xuống trước, sau đó gặp Huỳnh Hữu Ủy đang uống cà phê ở quán Thu Hương, đường Hai Bà Trưng.

Mãi sau 30-4-1975 tôi mới thật sự gặp gỡ Nguyễn Đức Sơn, một lần ông từ đồi rừng Phương Bối, thuộc dãy núi Đại Lào ở B'laô -tức Bảo Lộc, về Sài Gòn. Để ngắt những câu nói thô tục, chửi rủa lung tung của Sơn Núi -Nguyễn Đức Sơn bảo hồn danh của ông là Sơn Núi, do ông tự đặt, “chứ ai đặt nổi một cái tên như vậy”, tôi hỏi ông có nhớ bài Đi Thăm Bạn Sắp Đẻ Ở Di Linh không. Sơn Núi không thể thuộc bài thơ mà tôi cho là một kiệt tác của thi ca Việt Nam thế kỷ 20. Rồi tôi đọc cho cả bàn nhậu nghe bài thơ này. Đây là một bàn nhậu trong quán mang tên “Quán nghệ sĩ”, số 81 đường Trần Quốc Thảo, quận 3-Sài Gòn.

Tất nhiên Sơn Núi không nhậu nhẹt gì hết, ông nhìn những món nhậu, nói liên tục: “Ghê quá! Ghê quá! Thệt ông nội, bà nội tôi đó!” Tôi đọc xong bài thơ, ai cũng la lên rằng hay quá, hay quá, bài thơ lạ lùng, kỳ diệu quá! Sơn Núi thì bảo tôi ngồi xích lại gần ông, cứ thế lặng lẽ một hồi. Về cái hồn danh Sơn Núi, tôi không hề trách cứ gì Nguyễn Đức Sơn, khi sau này, trả lời phỏng vấn của nhà thơ Trần Tiến Dũng (đi trên báo mạng Da Màu) ông nói là “tên Nguyễn Đạt nào đó, vì mặc cảm, ấn ức nào đó, đã cho rằng tên Sơn Núi do tôi tự đặt...” Nghĩa là, Sơn Núi là tên do bà con trong khắp vùng cao nguyên B'laô đặt cho ông. Tôi không trách cứ, vì Nguyễn Đức Sơn là thi sĩ, thi sĩ thì có quyền lạng quạng, và tôi hiểu rằng, tự đặt hay được nhân loại đặt cho, thì Nguyễn Đức Sơn trước sau đều xứng đáng với cái tên Sơn Núi.

Với cái quyền lạng quạng của thi sĩ, tôi từng nghe Nguyễn Đức Sơn khơi khơi rửa sả khi tôi nhắc tới nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc. Tới lúc tôi đọc tác phẩm “Thơ ‘Con Cóc’ và những vấn đề khác” của Nguyễn Hưng Quốc, mới rõ tại sao Sơn Núi rửa sả Nguyễn Hưng Quốc. Thì ra, Nguyễn Hưng Quốc rất khen bài thơ “Con cóc”, xuất xứ từ “Chuyện đời xưa” do Trương Vĩnh Ký sưu tập, xuất bản lần đầu năm 1866. Nhà phê bình phân tích rõ ràng cái rất hay của bài thơ “Con cóc”, từ đó nhắc, nhớ tới bài thơ “Một mình đi luồn vô luồn ra trong núi chơi” của Nguyễn Đức Sơn.

Nghĩa là Nguyễn Hưng Quốc thấy rằng, ở phương diện “bận tâm lớn”, “bản khoán siêu hình” của bài thơ “Con cóc”, thì bài thơ “Một mình đi luồn vô luồn ra trong núi chơi” có gần gũi, nhưng không mạnh và sắc bằng, không trần trụi tuyệt đối như bài thơ “Con cóc”. Tôi cũng thấy như vậy, nhưng chẳng có ý so sánh hai bài thơ vừa nêu trên, chỉ nhìn nhận bài thơ Một mình đi luồn vô luồn ra trong núi chơi là một trong nhiều bài thơ rất hay của Nguyễn Đức Sơn:

Khi thắm mệt tôi đi luồn ra núi
Cuối chiều tà chỉ gặp cỏ hoang sơ
Bước lủi thủi tôi đi luồn vô núi
Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô
Chân rục rã tôi đi luồn ra núi
Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô.

Sau lần gặp ở cái quán nghệ sĩ 81 Trần Quốc Thảo, Sơn Núi và tôi gặp lại nhau luôn. Tôi thường đi xe gắn máy lên Đà Lạt, “cố quận”, quê nhà thứ hai của tôi, lần nào tôi cũng ghé đồi rừng Phương Bối, có khi ở lại với Sơn Núi vài ba ngày, có khi rủ ông cùng đi Di Linh, Đại Ninh, Đà Lạt. Và Sơn Núi, hai, ba năm trở về trước, rất thường về Sài Gòn, bằng chiếc xe gắn máy Honda bé tí như đồ chơi của con nít, ông đặt tên cho chiếc xe này là “Monkey”. Chớ có ai rờ mó xục xạo được, vào chiếc xe Monkey mà Sơn Núi luôn cảnh giác bảo vệ bảo quản, ông còn tiết kiệm xăng cho nó, cất nó một chỗ an toàn, nên luôn là tôi chở ông bằng xe của tôi, đi ngao du khắp những chỗ muốn ngao du, thường là Thủ Dầu Một-Bình Dương, chùa này chùa nọ có các vị sư trụ trì không sợ nghe ông nói tục, các quán cơm chay nấu ngon, các quán cà phê đẹp hiu hắt... Thủ Dầu Một, ông sống một thời gian dài, nơi có chùa Tây Tạng, ông gặp và kết hôn với Phượng, năm Phượng là cô gái mới lớn. Phượng nhỏ hơn thi sĩ Nguyễn Đức Sơn 13 tuổi.

Hai, ba năm nay thì Sơn Núi chỉ về tới chỗ gọi là Tân Vạn, hình như cách Sài Gòn khoảng trên dưới hai mươi cây số. Tôi chỉ hỏi sơ, và Sơn Núi cũng trả lời sơ, ông về Tân Vạn gặp một “bàn lão” như ông, hay gặp ai đó, tôi không nhớ rõ. Lần về Tân Vạn gần đây, Sơn Núi bị ngã bệnh, nằm một chỗ cả tuần lễ, đang hồi phục, sắp trở lại đồi rừng Phương Bối. Tôi biết tin đó khi tôi lên Đà Lạt, dừng lại ở B’lao, gọi điện thoại báo Sơn Núi xuống núi (cứ gọi là núi cho đời nó cao), uống cà phê. Nghĩa là, sau lần bị xuất huyết bao tử khá nặng cách đây mấy năm, lần này Sơn Núi, ông già 72 tuổi, bị tai biến mạch máu não nhẹ. Sơn Núi đã sớm hồi phục, chân tay yếu một chút, cầm cành cây chống phụ bước chân, và bấm chữ trên bàn phím điện thoại di động thay cây bút, những gì ông muốn ghi lại. Sơn Núi nói: “May còn cái não trạng vẫn hoạt động mạnh, còn giúp mình sống vui vẻ, và tiếp tục viết, viết, viết...”

Sơn Núi cùng uống với tôi hết một bình trà lớn, sau đó ông chui vào căn nhà gỗ -đúng là Căn nhà-gỗ-phần-mộ- thanh-xuân, bảo là “để làm việc”. Căn nhà gỗ do một bạn trẻ, là kiến trúc sư ở Sài Gòn, làm tặng thi sĩ Nguyễn Đức Sơn, đẹp hiu hắt, cô độc, tôi thấy cửa nẻo luôn đóng kín. Sơn Núi nói, ông đái chung quanh phía trong căn nhà gỗ, để diệt mối mọt. Tôi không biết có đúng là để diệt mối mọt, hay ông không muốn ai đòi mở cửa vào nhà, họ sẽ sợ mùi nước đái. Dù sao tôi chưa một lần vào trong căn nhà gỗ của Sơn Núi, tôi ớn mùi nước đái. Tập thơ “Đêm nguyệt động” của thi sĩ Nguyễn Đức Sơn, ghi tặng Phượng năm 16 tuổi (?), tôi cũng như nhiều người đã đọc, thấy hay, hay tuyệt, nhưng tôi thấy đái nhiều quá cũng bốc mùi khai.

Lên thăm Sơn Núi sau khi nghe ông đã hồi phục trở lại đồi rừng Phương Bối lần này, tôi mang theo tờ báo Doanh Nhân Sài Gòn, số xuân Kỷ Sửu 2009, tôi đọc trong đó có bài “Người đàn bà trên đồi cỏ” của Hà Danh. Tôi mang lên cho Sơn Núi xem, vì bài này viết về Phượng, cũng là viết về Sơn Núi, bài viết có kèm bức ảnh Sơn Núi thổi kèn harmonica. Hóa ra Sơn Núi và Phượng đều đã đọc. Báo “Doanh nhân Sài Gòn” là tờ báo lớn, thấy ghi phát hành cả ở bên Tây bên Mỹ. Và bài báo của Hà Danh, lúc tôi đọc ở Sài Gòn, thấy có nhiều sự kiện về Sơn Núi, về Phượng quá lạ lùng, quá không đúng sự thật như tôi biết. Nói chung, đọc xong cả bài “Người đàn bà trên đồi cỏ”, tôi muốn đề nghị tác giả nên chuyển thể thành một vở tuồng cải lương, và Hà Danh rất có khả năng trở thành một soạn giả tuồng cải lương ăn khách, nhưng khác hẳn với những soạn giả tuồng cải lương như Viễn Châu. Tôi chưa thấy Viễn Châu dựng không một sự kiện liên quan trực tiếp tới nhân vật, vụ việc nào có thật ở ngoài đời. Nên khi tôi vừa lấy tờ báo ra, Sơn Núi liền nói: “Đ.m. cái lão đào hang, càng đào sâu càng tối đặc!” Tôi không hiểu gì hết. Hóa ra, Sơn Núi gọi nhà văn Đào Hiếu là đào hang, và Sơn Núi nói: Hà Danh là một bút hiệu khác của Đào Hiếu. Tôi rất ngạc nhiên khi biết vậy, và khá buồn, bởi tôi quen biết nhà văn Đào Hiếu, và mến ông. Tôi thấy Đào Hiếu là một người rất văn nhã, lần gặp gần nhất, tại một quán cà phê trên đường Trần Quốc Thảo, tôi nhận lời viết về Nguyễn Đức Sơn cho trang web của ông, hình như tên là “Lề bên trái”. Sau đó, tôi được nhiều người bạn cho biết, những gì Đào Hiếu đã viết không bảo đảm trung thực, nên tôi không thể viết bài về Nguyễn Đức Sơn cho báo mạng của nhà văn Đào Hiếu, dù đã nhận lời.

Sơn Núi nói: “Không hiểu lão đào hang ở chỗ nào, ra cái vụ việc ‘nhạc sĩ hàng đầu về đầu hàng’ họ Trịnh cho tôi sáu chục triệu đồng, nhờ đó Phượng thoát chết.” Phượng, Nguyễn Đức Lão -con trai út, anh của hai cô em sinh ra sau chót, năm nay 27 tuổi, và Tiểu Khê -con gái út của Sơn Núi, cũng không hiểu người viết bài về họ, lấy ở đâu ra vụ việc Trịnh Công Sơn tặng Nguyễn Đức Sơn sáu chục triệu đồng, vào cái năm một chín tám mươi mấy đó, số tiền ấy rất lớn. Phượng nói: “Trịnh Công Sơn ghé lên đây hai lần, trong một chuyến đi chơi ở Đà Lạt. Lúc lên, tặng một thùng mì chay ăn liền, lúc về, tặng một thùng ‘légume’ Đà Lạt, vậy thôi, chớ làm gì có vụ việc sáu chục triệu đồng!” Sơn Núi xác định thêm: “Ông không tin cứ hỏi Bửu Ý, người rất sùng mộ Trịnh Công Sơn và rất không ưa tôi, coi Bửu Ý nói sao về vụ việc Trịnh Công Sơn cứu tử hoàn sanh bà xã tôi, với số tiền sáu chục triệu đồng.” Ngay sau khi đọc bài báo, tôi hỏi họa sĩ Trịnh Cung -bạn thân của Trịnh Công Sơn, có biết vụ việc nhạc sĩ họ Trịnh tặng Sơn Núi 60 triệu? Trịnh Cung bảo không biết vụ đó. Thế thì tôi cực kỳ ngạc nhiên, không thể hiểu nhà văn Đào Hiếu lấy ở đâu ra cái tin động đất trời đó. Trong bài ký tên Hà Danh, ông viết, đại ý rằng ông không nhớ rõ, những người con của Phượng cũng không nhớ rõ ngày tháng nào, nhưng là những năm 1980, và 60 triệu đồng của Trịnh Công Sơn tặng thời gian đó là lớn lắm... Tôi hỏi Sơn Núi: Đào Hiếu “phịa” chuyện ấy thì quá sức bậy, người trong vụ việc có thể thưa kiện ở tòa án. Không hiểu sao Đào Hiếu lại “phịa” như vậy nhỉ? Sơn Núi nói ngay: “Thì lão muốn gia nhập ‘fanclub’ của Trịnh Công Sơn mà, ông không thấy một loạt bài đánh bóng Trịnh Công Sơn trong tờ báo này hả?... Này, lão đào hang viết: Tôi đã thấy Phượng đẹp / Trịnh Công Sơn cũng đã thấy Phượng đẹp... Phải lôi lão nhạc sĩ hàng đầu về đầu hàng vào đây cùng khen Phượng đẹp, thì Phượng mới đúng là đẹp.” Tôi không biết nhà văn Đào Hiếu gặp Phượng từ năm nào, chứ từ vài chục năm nay, Phượng quá hom hem gầy guộc. Tôi xót xa khi thấy Phượng “lai”, là lai người dân tộc Tây nguyên ở vùng sâu vùng xa, chứ không được như người dân tộc ở thị xã B’lao này. Bài báo “Người đàn bà trên cỏ”, câu chuyện tào lao, trá ngụy.

Ông già Sơn Núi lúc nào cũng hưng phấn, đầy sức sống. Lần bị xuất huyết bao tử, Sơn Núi bảo đấy là ông trời nhắc nhở. Lần tai biến mạch máu não nhẹ vừa qua, trời nhắc nhở Sơn Núi không nghe, trời phải “nhát ông già”. Sơn Núi đọc một bài thơ, kiểu thơ Sơn Núi từ nhiều năm nay: Trời kêu ai nấy dạ / Nhưng trời gọi tôi, tôi đá / Bởi vì tôi với ông nào đâu phải chỗ xa lạ. Tôi từng nói, những bài thơ kiểu này cũng có chỗ giá trị, nhưng không phải là giá trị thi ca, làm Sơn Núi phát quạu, chửi thề lia lịa. Ông già Sơn Núi lúc nào cũng hưng phấn, đầy sức sống, nên lúc nào tôi gặp ông cũng thấy vui lắm. Ông đọc số điện thoại di động của ông: “Con số tuyệt đẹp: 0913. 16 96 16. Nghĩa là ông già tới lúc 96 tuổi, vẫn gánh hai đầu hai cô gái 16 tuổi.”

Rồi Sơn Núi đọc cho tôi nghe vào buổi chiều Phượng Bối sắp vào đêm, giữa tháng 2 năm Kỷ Sửu (tháng 3.2009), thì tôi không thể phủ nhận đây là một trong những bài thơ đích thực là hay, Sơn Núi đích thực là Sơn Núi, Nguyễn Đức Sơn đích thực là thi sĩ:

Cuối thu ở Phương Bối

Trưa đứng một mình đợi ai lên
Đất trời đâu có dưới và trên
Đồi cao ỏi sót rụng một trái
Dồi ăn một bên ta một bên

(Bài dưới đây không đặt tên):
Sương quá đời ta tuổi sắp già
Bao nhiêu học thuyết bước đều qua
Nay về đất bóng chơi am vắng
Ấu trĩ vườn trăng một tiếng gà

ĐÀO HIẾU TRẢ LỜI:

Trước khi viết bài “Người đàn bà trên đồi cỏ” tôi có lên Bảo Lộc thăm Nguyễn Đức Sơn. Cùng đi với tôi hôm đó có Nguyễn Tôn Nhan và Đặng Phú Phong (website damau.org). Hôm đó mọi người chẳng nói chuyện văn chương chữ nghĩa gì cả, chỉ toàn cãi nhau như mổ bò, văng tục búa xua. Tôi có quay phim cuộc nhậu “dã chiến” ấy, có chụp nhiều hình ảnh nữa.

Với một cuộc gặp bất nháo như vậy Đặng Phú Phong cũng đành chịu chết không viết được chữ nào cho DAMAU, nhưng tôi thì không. Ít lâu sau tôi hẹn với Nguyễn Đức Vân, con trai của Nguyễn Đức Sơn (lúc này đã là một nhà sư) đến quán cà phê trong khuôn viên dinh Thống Nhất. Chúng tôi làm việc với nhau suốt một buổi sáng. Hỏi cũng nhiều và đáp cũng nhiều. Thế là tôi có tư liệu để viết bài :”Người đàn bà trên đồi cỏ”.

Nguyễn Đạt viết bài đăng trên DAMAU với giọng có hơi cay cú nhưng tựu trung cũng chỉ có một vấn đề: Trịnh Công Sơn có tặng cho gia đình Nguyễn Đức Sơn 60 triệu hay không? Vậy thôi. Những chi tiết khác trong bài của tôi không thấy ai phản bác hoặc bảo là sai sự thật.

Sau khi báo Doanh Nhân Sài Gòn đăng bài ấy, tôi có tặng cho Nguyễn Đức Vân một tờ báo. Ít hôm sau nhà sư Nguyễn Đức Vân gọi điện cho tôi: “Chú ơi, mẹ cháu rất vui mừng khi nhìn thấy bài báo. Bà cứ tùm tùm cười hoài. Mẹ cháu và tụi cháu đọc xong ai cũng cảm động vì không ngờ chú đã cảm nhận được tình cảnh của gia đình cháu một cách sâu sắc như vậy.”

Tôi nghĩ đó mới là vấn đề quan trọng. Còn chuyện Trịnh Công Sơn có tặng 60 triệu hay không thì Trịnh Công Sơn vẫn là Trịnh Công Sơn.

Sáng nay nhà sư Nguyễn Đức Vân có gọi điện cho tôi, anh nói rằng có thể anh nhớ không chính xác con số 60 triệu ấy (vì giai đoạn đó nhà nước “đổi tiền” liên tục), nhưng lúc đó mẹ anh phải mổ não mà gia đình lại không có tiền, phải nhờ bạn bè và người thân giúp đỡ. Chính Trịnh Công Sơn đã đóng góp quan trọng trong ca phẫu thuật hiểm nghèo ấy.

Xin đọc bài viết “Người đàn bà trên đồi cỏ” của Hà Danh.
Hoặc với một tựa đề khác tại Tập II - trang 9

Về gia đình thi sĩ Nguyễn Đức Sơn Đào Hiếu

Cách sống của Nguyễn Đức Sơn Nguyễn Thụy Long

(trích *Thưở mơ làm văn sĩ* – Chương 11)

LTS: Trong thời điểm này (trước biến cố đảo chính 11-11-1960 của tướng Nguyễn Chánh Thi) mẹ nhà văn Nguyễn Thụy Long, vì công việc buôn bán sa sút, đã mang người em út của nhà

văn sang Lào sinh sống, với hy vọng sẽ hồi phục đủ vốn liếng để trở về Sài Gòn sau đó. Gia đình nhà văn bị ly tán, các em trai của ông còn trong tuổi thiếu niên nên đi ở nhờ họ hàng, còn ông thì gia nhập quân đội. Sau ngày đảo chính, Nguyễn Thụy Long đào ngũ, lang thang trên đường phố, lúc đầu tá túc ở nhà Nhã Ca-Trần Dạ Từ, sau đó gặp lại bạn là nhà thơ Nguyễn Đức Sơn, lúc đó cũng vô gia cư, và học được bí quyết “giang hồ” của Nguyễn Đức Sơn.

“... Sinh hoạt bên ngoài trại lính bình thường, những quán cơm bình dân, quán cà phê. Tôi nghĩ mình cũng nên đi thăm một số bạn bè, thăm thẳng em. bây giờ không biết nó ở nhà bà dì bà mợ hay ông chú nào. Đầu tiên tôi đến xóm Lê Văn Duyệt để thăm Hoàng Bình Sơn [về sau là Tú Kếu]. Hoàng Bình Sơn ở nhà trọ. Chúng tôi ra quán ăn cơm bình dân rồi uống cà phê.

Hoàng Bình Sơn chán nản:

- Chẳng nước non mẹ gì hết, nếu bọn dù kéo dài thêm được vài ngày nữa thì ông Thu anh tớ sẽ ra khỏi tù, ông ấy bị nhốt tù quá lâu rồi.
- Chắc thế nào cũng có một đợt ân xá.
- Còm lâu, rồi nó sẽ bắt thêm, mà coi. Chúng nó cần củng cố quyền lực, khủng bố dữ dội không riêng gì đối lập mà tất cả mọi người, nhà tù chật cứng người cho coi....

Ừ sao tôi không có một ý niệm gì về chuyện đó. Trời đã muộn, tôi băng qua đường xe lửa Nguyễn Thông sang trường Minh Giảng thăm vợ chồng Trần Dạ Từ. HBSơn cho biết Trần Dạ Từ đã có việc làm ở một tờ báo, hai vợ chồng thuê một căn nhà ngay ở dưới dốc cầu.

Bữa cơm đón bạn vui vẻ, tuy là bữa cơm đơn sơ nhưng Nhã Ca khéo léo làm những món ăn đặc sản Huế. Tôm cháy và mắm cà.....Trời sụp tối lúc nào không biết. Tôi toan về trại lại nghĩ đến lệnh giới nghiêm của Tổng thống mới ban hành nên đành ở lại nhà Từ-Nhã. Tôi chưa đi thăm được thẳng em. Sáng ngày mai tôi đi tìm nó cũng không muộn....

Tôi tìm nó mấy ba ngày mới biết nó ở nhà bà dì trên Gò Vấp. Rồi tôi tính ra rằng mình đã bỏ trại đi được gần một tuần lễ. Ngày ngày tôi về nhà Từ Nhã. Nhà Từ-Nhã thường xuyên cho những người bạn tá túc, đôi khi có những người bạn mang cả nhân tình về....

Một buổi tối, Từ đưa tôi ra đầu đường nói chuyện:

- Mà không thể ở nhà tao hoài được, chỗ mà nằm ngủ thẳng Trung và con nhân tình nó đã xí trước rồi, mà ở đây thì kẹt chúng nó, tao đưa mà mấy chục mà có thể tìm một chỗ khác....

Tôi từ chối 35 đồng bạc của Từ và đi ngay, mà không biết sẽ đi đâu. Giờ giới nghiêm sắp tới. Tôi lang thang trong thành phố vắng dần bóng người, thay vào đó là những xe hiến binh mũ kê pi chạy đi chạy lại trên khắp ngã đường.

Không còn cách nào khác tôi đành tạt vào mái hiên, ở đó nhiều người nằm ngổn ngang. Có lẽ đó là những người không nhà cửa, ăn mà hành khát chi đó. Tôi dựa lưng vào tường, gục đầu trên hai cánh tay khoanh tựa trên đầu gối. Tôi nghĩ ngợi lan man, nghĩ đến những đồng tiền Trần Dạ Từ đưa cho tôi hồi tối mà tôi không nhận. Tôi không hiểu được thái độ Trần Dạ Từ, mà tôi chẳng cần phải hiểu, cứ cho đó là chuyện đời vẫn xảy ra mà tôi là người ít may mắn. Nếu tôi kể lể điều gì đó thì tôi tầm thường quá. Tôi nghĩ đến căn gác của mẹ tôi ở sở rác Nguyễn Tất Nghiệm, nơi ấy đã tụ tập biết bao bạn bè tôi, lòng mẹ tôi thật bao la. Nay thì tan đàn xẻ nghé hết rồi. Thôi thì nhận nơi đây là một mái nhà. Tôi đã dời đơn vị gần một tuần, tôi là kẻ đào ngũ. Mơ thấy mình là đại tướng tự ký giấy giải ngũ cho mình. Tôi lo mơ những kỷ niệm và buồn ngủ, mấy lần tôi ngủ gục ngã xiêu cả người. những người ở quanh tôi hình như chẳng ai thêm để ý đến tôi, hành lang thì rộng và dài. Một ngôi nhà rộng thênh thang chẳng của ai cả.

Có tiếng động cơ xe hơi dừng ở ngoài đường, một cái xe jeep của hiến binh.

Tiếng léo nhéo ngoài đó:

- Thằng điên, mà bắt chúng tao đưa mà đi khắp nơi. Chỗ nào mà cũng nói không phải nhà mà, vậy đây không phải nữa thì vào ngủ ở đồn hiến binh.

Một giọng nói miền Quảng Nam.

- Vậy thì cho tôi xuống đây, nhà tui đó, rộng không, mát mẻ không. Trời cảnh thơ mộng làm sao, nhà cao cửa rộng.....

Tôi đứng hẳn lên, khi gã thanh niên bị lẳng xuống đường, những người nằm trong hành lang khe khẽ:

- Thằng ngu, nằm xuống đi, lính bắt bây giờ, cái thân ngủ đường ngủ chợ mà không biết gì hết, mày cũng điên rồi.

Thằng thanh niên ngoài đường la lên với tụi lính khi hẳn nhìn thấy tôi:

- Bọn lính trắng tụi mi, tau nói nhà tau mà, thấy người hầu ra đón cậu không ? Ờ, ném trả tau cái túi trên xe.

Một cái cặp liệng xuống đường. Chiếc xe rồ ga phóng vút đi. Gã thanh niên khùng điên lượm cái cặp, cặp sách đi vội lên dốc hành lang. Tôi vẫn đứng đó nhìn gã, dưới ánh đèn đường tôi thấy gã còm nhom. Cái đầu nham nhở không hẳn là đầu trọc mà cũng không phải để tóc. Hẳn ngẩng lên nhìn tôi, cái mặt coi quen quá. À phải rồi, tôi đã nhận ra hẳn và hẳn cũng nhận ra tôi. Hẳn la lên:

- Có phải mày là thằng Long không, tao Sơn đây. Nguyễn Đức Sơn, Sao Trên Rừng đây.

Đúng hẳn rồi, tôi có quen biết hẳn, thằng người Quảng điên điên khùng khùng thường hay đăng thơ trên báo Sáng Tạo, Văn Nghệ, Quan Điểm. Hẳn cũng hay nói chuyện triết học. Đã lâu lắm rồi tôi không gặp hẳn. Hình như hẳn không để ý đến cái hành lang:

- Ở chỗ này cũng được đấy, hành lang này rộng, nhìn ra vườn hoa, dưới kia là sông, phong cảnh hữu tình đó. Phía dưới có cột đèn sáng, có vòi nước công cộng, ban đêm tha hồ tắm nữa.

Tao hỏi mày sao tìm được chốn thiên đàng này?

- Vô tình thôi, hôm nay lần đầu tiên tao tới đây.

- Vậy sao ? Tau nghe nói mày đi lính mà.

- Đúng rồi, nhưng tao đã đào ngũ một tuần nay.

- Cũng tốt, mày đưa tau vào chỗ nằm, mình sẽ tâm sự với nhau.

Tôi kể hoàn cảnh của tôi cho Sơn nghe, hẳn lắng nghe chăm chú, sau rồi lại nói:

- Chẳng cần quan tâm, nhưng tau ghi chuyện này vào sổ đen của tau. Từ ngày mai mày có thể rong chơi với tau.

Hẳn nằm ngay xuống thềm, gối cái cặp và ngủ thiếp đi.

Chỉ một lát thôi hẳn ngáy như cưa gỗ. Có lẽ giấc ngủ của hẳn bình thản và không quan tâm đến một chuyện gì.

Tôi thao thức mãi mới ngủ được, gió sông thổi lên lồng lộng. Trời cuối năm lạnh lạnh, lại sắp hết một năm nữa rồi. Gần sáng tôi mới chợp mắt được một lúc.

Tôi tỉnh dậy thấy hành lang vắng hoe và NĐSơn ngồi xổm nhìn vào mặt tôi. Sơn hỏi tôi:

- Bây giờ mày đi đâu hay đi chơi với tau?

- Tao đến chỗ thằng em trọ học, xem nó học hành ra sao?

- Học với hành, tau có quan niệm khác.

- Sao?

- Học chỉ khổ cái thân thôi, tau sau này có vợ con, tau cho lên rừng hết, không học hành chi cả.

- Vậy tại sao mi lại học?

- Bởi vậy, ném lao phải theo lao, không ra gì hết, chẳng thà không biết gì như cây cỏ, như con thú ở trên rừng. Sống theo bản năng.

Cơn gàn của anh chành lại lên rồi chẳng. Tôi từng nghe bệnh gàn dở của hẳn, đôi khi trở thành giai thoại. Khi cần chửi là hẳn chửi, nếu không chửi được tận mặt là hẳn gửi thư đến tận nhà chửi. Nhiều anh em từng là “nạn nhân” của anh, của cái tính ngông cuồng dễ thương mà trời

ban cho anh, những cơn điên tiết của anh như trời mưa nắng. Còn chút tiền, tôi rủ NĐSơn đi ăn hủ tíu và cà phê thuốc lá. Trước khi chia tay bạn, Sơn nhắc nhở tôi:

- Mà bây giờ không làm gì nữa rồi, xong công việc đời thường mà lại đến đây tìm tau, mình rong chơi, rong chơi mà no đủ kìa, tiền tiêu có thể là không có, nhưng no đấy, ngày hai bữa được không?

- Được quá rồi, nhưng mà ” định cư ” nơi này chưa?

- Phải vậy thôi, chẳng nơi nào hữu tình hơn nơi này. Gầm cầu không thể bằng nơi này được. Trước khi chia tay, tôi đứng ngẩn nhìn lại chỗ mình ngã lưng đêm qua. Đó là hàng hiên của tổng ngân khổ, nhìn ra sông SG. Cái cầu Mống cao và cong cong đổ qua sông, bên kia là Khánh Hội. Nhà Lê Đình Điều ở bên đó, nhưng thằng em tôi không còn ở đó nữa. Mẹ tôi viết thư về nói nó ở Gò Vấp học trường Hồ Ngọc Cẩn gần hơn. Vả lại nó ở nhà dì, cũng là chỗ ruột thịt với mẹ tôi. Có họ hàng mà không nhờ vả, nhờ vả người ngoài mang tiếng. Tôi không rõ điều suy nghĩ của mẹ tôi có đúng không?

Tôi tới thăm em trai tôi, nơi này nó ở không tệ, nhưng chưa phải là tốt. Tôi muốn nó ở nơi nào đó tốt hơn, nhiều thì giờ để học hành hơn, vì nó đã thi xong trung học, những năm cuối trung học của nó cần yên tĩnh. Tôi không nói cho em tôi biết rằng tôi đào ngũ. Tôi nghĩ đến cái hẹn của NĐSơn, tôi phải về với hắn. Những bạn bè khác tôi không muốn đến nữa. Biết đâu mình chẳng là gánh nặng với họ, không phải là sự phiền nhiễu.

Buổi tối tôi đem bụng đói về với NĐSơn. Hắn ngồi dựa cột đèn đọc sách, bên cạnh có một cuốn vở để ghi ghi chép chép gì đó. Hắn ngẩng lên hỏi:

- Mà về đó à?

Hắn thu dọn mớ sách vở xếp vào cái cặp vải kaki vàng may lại. Trời cuối năm lành lạnh, quần áo của hai đứa lại phong phanh, gió sông lồng lộng, bụng tôi đói càng lạnh hơn. Sơn hỏi tôi:

- Mà ăn uống gì chưa?

- Có gì đâu mà ăn, tao đói từ hồi trưa.

-Tao thì no căng một bụng, uống nước phong ten vào nở ra càng no dữ.

Cái thằng này ăn nói quái thật. Tôi nửa tin nửa ngờ. Vào đến chỗ nằm. NĐSơn mở cặp ra, lấy cho tôi một miếng cơm cháy gói giấy cẩn thận.

- Ăn đi, tao có rắc sẵn muối tiêu, phần ăn sáng của tau đó. Tau nhường mà, ăn xong ra uống nước phong ten, tức khắc là no thôi.

Đói quá không còn khách sáo, tôi ăn ngay. Miếng cơm cháy rắc muối tiêu sao bụi ngậy thơm đến thế. Tôi cũng vừa đủ no bụng. NĐSơn giải tấm nilon ra, hai thằng nằm chung. Hắn có vẻ chuyên nghiệp nằm đường nằm chợ:

- Mà nên có một cái túi, đựng quần áo sách vở, đi đâu mình tha theo.

- Tao chẳng có gì hết.

Hai đứa nằm gác chân lên nhau nói chuyện tào lao một hồi rồi Sơn ngủ thiếp đi, tôi còn thao thức mãi quan sát xung quanh. Một số người còn thức, một số khác đã ngủ say.

Trong một góc khuất ánh đèn, có một đôi trai gái nằm đắp chiếu, làm tình với nhau tự do kêu oeng oéc. Cái miệng thằng đàn ông, hay thanh niên ông ổng:

- Tao sẽ cho mà một đứa con tha hồ mà bông đi ăn mà. Khi đó phải nhớ đến công ơn tao.

Nói cho bay hay, nhiều đứa vô ơn bội nghĩa với tao rồi.

- Này Bảy Nọc, đừng có lối, trên đời này không phải chỉ mình mà mới có cái con.... Tao cũng bị mòn vậy....

Thật kinh khủng, tôi đang sống giữa bầy đoàn nào đây?

Ở ngoài khoảng trống, vẫn trong phạm vi mái hiên có hai lão già gầy lên một đám lửa nhỏ, đủ nấu một lon nước, có lẽ hai lão đang uống trà, nói chuyện tào lao:

- Nay anh thấy không, hai ngày nay thằng Tèo của tôi không về.
- Nó trúng mánh rồi, đâu còn nghĩ đến sự phụ của nó.

Lão già cười:

- Rồi nó phải về, nó đâu đã học hết nghề của tôi được, Lão Mối này ngu dại gì mà dạy hết, thầy võ cũng từng phải giữ lại ngón nghề tử phòng thân. Sự phụ dạy hết nghề cho đệ tử nó phản thầy thì sao “sông sâu còn có người dò, lòng người nham hiểm biết dò đến đâu” Nghề móc túi trộm cắp của tôi cũng thất truyền nhiều rồi, sự phụ tôi dạy cho tôi cũng không dạy hết. Vậy mà tôi cũng tung hoành một thời từ Nam chí Bắc. Thằng Tèo, đệ tử ruột của tôi, chưa học hết nghề của tôi được, dù nó thông thạo mánh móc túi, rạch bóp nhưng chưa phải là hay. Thập bát ban võ nghệ còn nhiều rắc rối lắm.

- Ở nghề nấu “xì ke” của tôi cũng lắm công phu, không phải ai muốn nấu là nấu được đâu. Tôi chỉ cần tí sai, mấy miếng giẻ lót dọc tẩu, lau bàn đèn thôi, cũng đã nổi danh trong thiên hạ. Chích choát là mấy công việc của mấy tay em, không đứa nào dám thiếu chịu của hít tô phe đại để này được, cũng chẳng dám tố cáo...

Lại một buổi sáng, NĐSơn đánh thức tôi dậy, hấn cũng có tí tiền uống cà phê, hấn rủ tôi đến tiệm giặt ủi, vào bên trong thay bộ quần áo giặt ủi lảng cuống. Hấn lại còn thất ca vát, ra về lắm:

- Tao phải ăn mặc ra vẻ như vậy để còn đi dạy học, học trò của tao toàn học sinh trung học ... mà cũng cần có bộ quần áo thay đổi để đi làm ăn. Tao sẽ tìm cho mày một bộ to rộng.
- Tao thì không cần những bộ quần áo đẹp, vì tao sẽ làm nghề lao động tay chân.
- Tùy mày thôi.

Tôi hiểu NĐSơn nhiều năm trời sống một mình ở SG ra sao. Anh làm thơ, thơ anh hay, nhưng ít tiếp xúc với bạn bè cùng giới. Tâm hồn anh nhạy cảm, sự nhạy cảm quá độ, nhiều khi tưởng người khác xúc phạm đến mình, anh tự vệ. Sự tự vệ khủng khiếp bằng những bức thư gửi qua bưu điện. Một số bạn bè nói anh có máu điên, thầy kệ. Thằng nào xúc phạm đến ta một, ta trả lại cho nó gấp 10 lần sự cay độc. Nhưng bức thư gửi đi ấy đều có bản lưu, lâu lâu giờ ra đọc lại... như đọc lại một tác phẩm của mình. Tôi chờ NĐSơn ở đầu đường Bùi Viện, gần trường Thăng Long. 12 giờ trưa, Sơn bảnh chọe đi tới gặp tôi.

- Mi chờ tau lâu hỉ?
- Mình có thì giờ mà.
- Đi ăn!

Chắc chắn hấn có tiền. Chỉ cần một bữa ăn xoàng. Sơn rủ tôi đến quán cơm Anh Vũ cũng ở trên con đường ấy, quán cơm có tính cách nâng đỡ các sinh viên học sinh. Cơm ăn thả cửa, ba món ăn, giá chỉ có 3 đồng đến 5 đồng cho một người. Tôi từng nghe nói về quán cơm này, nhưng đây mới là lần đầu tiên đến với Sơn. Tôi thú thật với Sơn điều ấy. Sơn ra người sành sỏi ăn cơm Anh Vũ.

- Vậy thì mi cứ nghe tau, tao làm gì mà mày làm cách đó.
- Tao đủ thông minh, miễn là không ăn giựt ăn chạy.
- Không có đâu.

Khi bước chân vào quán Anh Vũ, quán cơm đông khách, hầu hết là những học sinh. Chúng tôi ngồi xuống một bàn trống. Những người khác ra quầy mua phiếu rồi đi ra một bàn khác tự do chọn thức ăn, giở cần xé cơm gắp đồ, ai muốn xúc bao nhiêu thì xúc. Tôi không thấy NĐSơn làm điều đó, anh cầm một cây tăm lên miệng. Tôi ngỡ ngàng vì chúng tôi chưa ăn gì mà đã xỉa răng. NĐSơn hỏi tôi:

- Xỉa răng đi.

Tôi làm theo lệnh Sơn như cái máy. Hấn lại ra lệnh:

- Đứng dậy đi theo tau.

Tôi đi theo Sơn vào bếp. Những cái chảo lớn nấu cơm. Cơm thì rở ra những giỏ cần xé khiêng ra ngoài nhà ăn. Những người nấu cơm dùng cái xẻng lớn cạy những tảng cháy to hất ra cái thùng to. Có những người chạy đến bẻ một miếng. Sơn cũng tới bẻ một miếng, hỏi tôi:

- Mi bẻ lấy một miếng đi, mình ăn cơm rồi, bây giờ đét se miếng cơm cháy cho thơm miệng....
Tôi làm theo Sơn, và bây giờ thì tôi hiểu được việc làm của bạn. Tôi bẻ miếng cơm cháy hơi to, theo Sơn lên nhà ăn. Hai thằng ngồi ăn đàng hoàng vào bàn ăn, rắc muối tiêu và xịt nước tương vào miếng cháy, ăn đến loáng hết miếng cháy mà vẫn còn thòm thềm. Sơn nhìn tôi cười:

- Lần sau thì rút kinh nghiệm nhé, nhưng không sao, chiều mình lại đến. bây giờ mày ra uống trà đàng hoàng cho nó nở ra là vừa bụng.
Tôi uống một ca trà, người thấy dễ chịu. Hình như trong quán Anh Vũ không phải chỉ có hai đứa chúng tôi ăn uống theo kiểu này, mà nhiều. Tôi nghe tiếng la ở nhà bếp:

- Thôi cha nội, lấy hết cơm cháy rồi nhà thầu cám dư tới lại la tụi tôi không để cơm cho heo...

Chúng tôi ra khỏi quán cơm Anh Vũ. Sơn nói:

- Bần cùng lắm tau mới dùng đến chiêu thức này. Gọi là chiêu thức cứu đói. No bụng đàng hoàng. Minh vô tài kiếm không ra miếng ăn, đói, than trời trách đất thì tội cho trời đất. Từ nhiều năm nay tao chưa bao giờ đói, nghe thấy tụi bay than đói hoài tao lấy làm lạ. Miền Nam đầy lúa gạo này quyết không có một kẻ nào phải chết vì đói.

Lý luận của Sơn thật hùng hồn. Tôi có cảm tưởng như là một nhà hùng biện lỗi lạc. Tôi nói:

- Tớ cứ tưởng hôm nay cậu có tiền đãi tớ bữa cơm chứ.

- Thì đó, cậu cũng vừa ăn một bữa cơm, đồ ăn cho mặn miệng là muối và nước tương, ta ăn để mà sống. tớ đang nghiên cứu về lối ăn gạo lức muối mè. Bữa cơm này không phải tớ đãi cậu do tiền bạc mà do rút kinh nghiệm phương pháp chống đói. Con heo mất một miếng cơm cháy cũng chẳng thể đói hơn được, nó đói thì nó la, chủ nó phải lo cám cho nó. người dưng nước lã không bỗng dưng phải lo cho nhau, con heo gầy bán mất giá, chủ nó phải vỗ cho béo để bán được nhiều tiền hơn. Mi, tao béo gầy thì đời cũng mặc mẹ, chết mặc xác....Nhưng tau hôm nay, tao đến lớp đòi tiền, nó không trả cho tau. Nó còn bắt tau chờ đến hết tháng, không có cái vụ dạy học xong đòi tiền, cái nguyên tắc làm chết con người đấy.

Tôi không dám để cho Sơn nói nhiều hơn nữa, nhất là lý luận:

- Chịu thầy rồi, còn bây giờ đi đâu?

- Đi chơi, nơi nào đó để thư giãn đầu óc một chút, tau căng thẳng rồi.....

Tôi và Sơn tới vườn Tao Đàn, tôi cứ nghĩ rằng chúng tôi sẽ nằm ngủ dưới một gốc cây mát mẻ nào đó. Nhưng Sơn rủ tôi ra ngồi một đầu cái bập bênh, ngồi đầu bên kia, đồ chơi của con nít. Hai thằng đập dình cả tiếng đồng hồ, chán rồi lăn ra ngủ dưới gốc cây.

Chiều đến, Sơn đánh thức tôi:

- Dậy, đi ăn cơm chiều mày.....

- À, đúng rồi ta quyết không chịu chết đói giữa vựa lúa gạo miền Nam. Trời đất bao la đâu cũng là nhà.

Tôi nói lên như hát, như vừa sáng tác một bài ca.

Chiều rồi đó, thành phố chưa lên đèn, nhưng cũng sắp lên đèn.

Tôi vào quán cầm một chiếc tăm lên miệng và đi xuống bếp. Tôi không quên bữa sớm mai. Nhất quyết phải no bụng, nếu để bụng đói mà chết là làm nhục miền Nam no ấm tự do. Dưới sự lãnh đạo anh minh của chí sĩ Ngô Đình Diệm, người ta từng nói thế nhiều rồi, tôi bực bội. Toàn một lũ kinh doanh khẩu hiệu tuyên truyền. Chính nghĩa và tà thuyết là vàng thau lẫn lộn, ở cả miền Nam lẫn miền Bắc. Một số người có quyền lực sống bằng mấy thứ lặt vặt đó.

Nguyễn Đức Sơn, nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh

Nguyễn Đức Sơn. Bùi Giáng. Phạm Công Thiện. Có lẽ là những khuôn dáng thi ca lạ lùng nhất của hai mươi năm văn học miền Nam. Chân dung tác giả và tác phẩm hình như có nhiều điều quan hệ với nhau và mỗi người tạo ra được cho mình những huyền thoại có khi là của thế giới hiện hữu này nhưng có lúc là của một không gian thời gian khác của một mặt đất khác.

Riêng với Nguyễn Đức Sơn, từ thời kỳ bắt đầu với bút hiệu Sao Trên Rừng đã tỏ lộ một cá tính đặc biệt. Tuổi còn trẻ nhưng thơ đã chớm hoài nghi, đã thắc mắc về những câu hỏi đầy tính siêu hình. Lấy bút hiệu từ một câu thơ trong bài “Trên bờ hư không” có phải là bước khởi đầu của một cuộc du hành mà đích đến còn xa thăm thẳm và chính con người cũng không biết điểm đứng của mình ở đâu tận chỗ nào. Khi trẻ tuổi, trong cái thơ mộng lãng mạn của tâm tư nhưng vẫn cảm thấy rất bao la những bờ vực phân vân từ nỗi hư không còn mịt:

“một đêm sao ở trên rừng

Đua nhau rụng xuống chào mừng nhân gian

Hồn tôi cây cối liên hoan

Rừng rưng tôi thấy trăm ngàn ước mơ

Tuổi vàng sỏi mộng trời thơ

Lớn lên tôi chết trên bờ hư không.”

Trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí Bách Khoa do Nguyễn Ngũ Í phụ trách, Sao Trên Rừng đã tỏ bày về sáng tác của mình khi được hỏi: Sáng tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để bây giờ hay để cho mai sau?:

“Tôi chưa hề thử đặt cho mình câu hỏi này. Tôi viết vì bị thúc đẩy bởi một lực ở đằng sau và được thu hút bởi một lực ở phía trước. Đó là những ma lực làm tôi cảm khoái huyền diệu xa xăm. Thứ cảm khoái này kéo dài được chứ không ngắn như nhục cảm. Viết được một đoạn hay tôi đi lên đi xuống thường thức và khoái trí. Nên tôi nghĩ rằng sáng tác cho mình trước hết. Dùng lý trí phân tích để biết rằng sáng tác cho mình hay cho thiên hạ tôi e nhiều người phản lại ý mình. Có thể nói câu câu hỏi đầu tiên của người phụ trách không có được. Vì lý do tinh thần như tôi đã nói tôi viết cho bây giờ. Và sự thực vì lý do vật chất tôi cũng viết cho bây giờ. Nhưng viết cho bây giờ là thế nào? Chỉ có người viết truyền đơn trong một giai đoạn hay tình thế chính trị nào đó, chỉ có những người viết thiệp mời những người đó mới viết cho bây giờ. Còn người viết phóng sự xã hội (tôi muốn nói đến những phóng viên có học thức và khả năng hản hoi và hạng người này rất hiếm thấy) cũng chưa phải hoàn toàn viết là viết cho bây giờ. Vậy tôi nghĩ viết là viết cho mai sau. Hơn nữa nếu tôi biết chắc chắn rằng hàng hằng thế kỷ sau những cái gì tôi sẽ viết trong đời sẽ không có ai đọc, tôi bỏ viết ngay (Tôi biết nhiều người đang bấu môi khó chịu khi đọc xong câu đó) và nếu bây giờ tự nhiên tôi có một lòng tin chắc chắn là trái đất sẽ sụp đổ và loài người sẽ bị tiêu diệt và đồng thời không có một loài người nào tái thế hoặc từ một hành tinh, một cõi đời nào khác tìm đọc tôi bỏ viết ngay. Cũng nên nói thêm là nếu tôi biết chắc chắn sau này có người vượt tôi một cách xứng đáng tôi sẽ không viết. Tôi không muốn làm Tolstoi để sau này biết có Dostoyevsky dù Tolstoi đã là một hòn núi cao mà ít người vượt qua. Nếu Chateaubriand, nếu Victor Hugo hồi sinh thời biết rằng đến bây giờ học sinh ngạo ngán chán chường đọc văn hai ông và giáo sư (tôi chỉ nói những giáo sư có thực tài) phải giảng những đoạn văn kia như một của nợ hai ông đó sẽ làm một người thường rồi. Nói tắt một lời, tôi viết cho mai sau..”

Sao Trên Rừng có một bài thơ lục bát được nhiều người truyền tụng. Cũng là những bản khoán của con người giữa vùng trời biển bao la. Chẳng còn niềm tin, còn gì sót lại ngoài cảnh hoang tàn và của biển khuya với tiếng vắng lại từ tâm thức thì thào đến ngàn sau. Bài “Đêm Khơi”:

“lên đèn thuyền dạt xa miền
nửa đêm bừng tỉnh man thiên một trời
trông lên thượng đế đi rồi
hỏi mây thái cổ con người vãn vi
lối mòn cỏ mộ xanh rì
ngoài ra kia chẳng còn gì nữa đâu
đảo buồn thổi gió lao xao
ngàn xưa còn tiếng thì thào biển khuya”

Nhà thơ Nguyên Sa đã tạo thành một tiền lệ khi viết một bài thơ để làm thiệp cưới và bài thơ ấy đã trở thành một kỷ niệm tình yêu nổi tiếng. ” Nga” là bài thơ có những câu như “hôm nay Nga buồn như con chó ốm / như con mèo ngái ngủ trên tay anh / đôi mắt cá vờn như sắp sưa se mình / để anh giận sao chẳng là nước biển”. Nguyên Sa đã đem thi ca để làm dấu chứng cho cuộc tình của mình với tất cả những nét mới lạ khác với lề lối thói tục thông thường.

Nguyễn Đức Sơn là thi sĩ thứ hai trong hai mươi năm văn học miền Nam với tập thơ Đêm Nguyệt Động để kỷ niệm ngày cưới của mình. Ông đã đi qua tập tục đạo đức thường hằng của phong tục Việt Nam để làm những câu thơ dung tục nhưng có chất chân thực của tâm tư chàng tuổi trẻ. Trước thân thể người nữ, chàng tuổi trẻ ấy như ngạc nhiên trước sự nhiệm màu của cuộc sống và cả những điều cần che dấu nhất lại có sự linh thiêng riêng biệt. Hình dáng của người nữ nhạt nhòa không rõ nét nhưng những phần ẩn khuất của thân thể lại có những bí hiểm riêng hấp dẫn và không còn nét dung tục nữa. Đó là với riêng Nguyễn Đức Sơn. Nhưng với người bình thường thì không như vậy.

Người xuất bản tập thơ Đêm Nguyệt Động , ông Thanh Tuệ kể lại:

“Một hôm Sơn đưa cho tôi tập bản thảo Đêm Nguyệt Động và bảo: “Nó là máu huyết và tim óc của tôi. Tôi muốn có nó ngay hôm ngày cưới của tôi” Thời gian này nhà An Tiêm đã in cho Sơn tập truyện Cát Bụi Mệt Mỏi. Tôi đồng ý in ngay cho Sơn và coi như món quà tặng Sơn ngày cưới. Nhưng khi xem lại bản thảo Đêm Nguyệt Động tôi choáng váng thơ quá ư “tục” thế này làm sao dám đưa cho thợ sắp chữ! Nhưng rồi cũng phải nghĩ được cách là đưa tập thơ vào Chợ Lớn ở một nhà in Tàu để sắp chữ và in. Nhà in này nằm ở đường Trần Điền (Lá Bối và An Tiêm thường in bìa ở đây) Yên chí vì ở đây toàn thợ là Tàu rặc ngoại trừ ông chủ biết chút ít tiếng Việt, cũng đánh vần đọc được đôi chữ Việt, nhiều chữ nhiều dấu rất buồn cười.

Vậy mà hôm vào nhà in sửa bài thấy xấp bài để trên bàn ông chủ nhà in tìm tìm cưới hỏi tôi “Cái cuốn thơ “lầy” sao ngộ thấy nhiều chữ lạ quá..”

Riêng với tôi khi nghĩ đến vấn đề thanh và tục trong thi ca tôi lại chợt nghĩ đến những bài thơ của Nguyễn Đức Sơn. Cả mười bảy bài thơ ngắn là mười bảy khám phá của một chàng trẻ tuổi bước vào cuộc đời. Chàng thi sĩ trẻ đã: “thân kính gửi cha mẹ, quyến thuộc và bạn bè xa gần còn sót lại trên trái đất này hay trong lòng tác giả, bất ngờ báo trước giai đoạn phiêu lưu cuối cùng của đời một đứa con trai mà tác giả đã triền miên nghĩ đến để lo lắng, hồi hộp, sao xuyên, sợ hãi, xoắn xang, sảng khoái, điên cuồng và tê điếng từ cái thưở mình mảy bắt đầu thấy ngựa khi tuột từ một thân cây xuống và khi đứng trước một con thú bạn cùng đi hai chân, có tóc dài và một cái gì ngàn đời không thể hiểu nổi..”

“Cái gì đó ngàn đời không hiểu nổi” có thể là giây phút của “Vùng nước thánh” :

“anh sẽ đến bất ngờ ai biết trước
miệng khô rồi nẻo cực lạc xa xôi
ôi một đêm bụi cỏ đáng thu người
em chưa hái mà hồn anh đã ướt”

Có người cho rằng đó là nước cam lồ của tình yêu là của giây phút mà con người thăng hoa trong từng cảm giác. Nếu so sánh với ngôn ngữ mà sau này các thi sĩ trẻ tuổi nổi loạn trong tình dục thường xử dụng thì vẫn nhẹ nhàng và có chất biểu trưng. Những bộ phận sinh dục, những hình ảnh làm tình, những thân thể người nữ, được xử dụng ác liệt và phần nào quen thuộc ở thời điểm hiện nay. Nhưng ở vào năm 1961 ở đất nước Việt Nam lúc mà Nguyễn Đức Sơn in những bài thơ này thì quả là một sự kiện làm choáng váng nhiều người, kể cả một người Tàu chưa rành ngôn ngữ Việt. Ở thời gian ấy không gian ấy, Nguyễn Đức Sơn đã bước qua hàng rào cấm kỵ như một hành động ruổi chân mau bước đi trước dòng sông của con người đến hơn nửa thế kỷ.

Có người đã nghĩ khác với Nguyễn Đình Toàn khi ông cho rằng “người đàn bà, người nữ xuất hiện trong thơ Nguyễn Đức Sơn, không mặt mũi nhan sắc, trước cái nhìn (thôi cứ coi là tình cờ) của chàng trai mới lớn, ngòai xuống và “em chưa đái mà hồn anh đã ướt”.

Đọc bài thơ cuối của Đêm Nguyệt Động có phải dường như đã được phác họa hình ảnh một người nữ tuyệt vời với bóng dáng liêu trai với những đường nét mơ hồ đầy gợi cảm;

“năm mươi sáu em bắt đầu thấy rất
khấp trong người rờn rợn máu đang căng
hồn hoa đã động tình đêm thứ nhất
em đến nằm phơi mộng giữa vườn trăng
trong bóng lá anh thấy mình chết điếng
cả xác thân rời rụng bãi cô liêu
từ dạo đó anh đâm ra lười biếng
bởi mộng đời còn lại có bao nhiêu”

Hiểu thơ và cảm thơ có nhiều khi giống nhau mà cũng có lúc khác nhau. Bởi vì mỗi người có cảm nhận và nhân sinh quan không đồng nhất. Thanh hoặc tục trong văn chương, vẫn là vấn đề tranh luận. Hai phạm trù ấy có lúc như không có biên giới để phân biệt. Quá một bước sẽ thành một điều khác có khi như phản lại chính tình trạng trước.

Ở thế kỷ bây giờ, đọc thơ Nguyễn Đức Sơn dĩ nhiên phải khác ở thời điểm đầu thập niên 60 ở đất nước Việt Nam. Bây giờ có nhiều thi sĩ ác liệt lắm như Vi Thùy Linh ở trong nước hay Nguyễn Thị Thanh Bình, như Lê Thị Thắm Vân, ở hải ngoại... Những diễn tả đôi khi là những khám phá chính bản thân mình và là thử nghiệm của chính cuộc sống. Cái cảm giác tự giải phóng con người khỏi những câu thúc ràng buộc dễ dàng tạo những cực độ để lôi cuốn cả người đọc lẫn người viết vào những mê cung tâm thức.

Nguyễn Đức Sơn khi viết bài bạt tập thơ Tịnh Khâu cũng có viết về những bài thơ gọi là “tục” của mình. Ông lấy một bài thơ ngắn làm thí dụ. Bài thơ chỉ có 3 chữ:

” Hột
thì
le”

Ông nhận xét:

“Đồ ai không bảo tôi tục tĩu dâm dục bởi vì quả thật tôi có tục tĩu, dâm dục! Đó mới là chỗ chết, là cửa tử cho bao nhiêu bài thơ tức tở kia vì trót đụng tới CÀN KHÔN TỊCH MỊCH. Đừng tưởng làm một bài thơ quá ngắn như vậy dễ đâu. Có thể có đũa nào khác cũng sắp được 3 chữ nguyên con đúng ý như vậy nhưng đó rành rành là đồ giả mà bất cứ ai có con mắt Thơ phải nhận ra ngay tức khắc. Đũa nào bắt chước đi đường tắt chỉ là tục vận. Bởi dù nó bay ra trong đầu tôi không đầy một sát na bài thơ 3 chữ gồm duy nhất một danh từ và một động từ kia phải được hoàn thành ít ra từ trong ba chục kiếp rồi, nghĩa là tính đồ đồng mười kiếp làm được một chữ, chỉ một chữ thôi dù thi sĩ là cái thằng phải ngộ trong nhấp nháy phải làm (tôi nhấn

mạnh chữ làm đũa nào cái, cái chơi) toàn bộ thơ ca hàng chục ngàn bài của đời mình trong nhấp nháy...”

Rất là... Nguyễn Đức Sơn, cũng vẫn lối nói ngược đời, giải nghĩa mà chẳng có chút nào làm sáng tỏ, ngộng nghênh ngược đời. Và thơ, ở trong thế giới của ông quả thực có ngôn ngữ và phong thái của một người đi lạc sống lạc trên quả đất này...

Phần nhiều những bài thơ của Nguyễn Đức Sơn đều ngắn phản ánh những giây phút chợt qua nhanh của tâm tư và mang nhiều chất nguyên thủy hoang sơ của những dấu chân đi tìm một điều gì mà chính thi sĩ vẫn chưa hoàn toàn mừng tượng được.

Nhưng có những bài thơ dài được in thành một tập thơ mỏng chỉ có độc nhất một bài.

Thí dụ như Du Sỹ Ca, như Mộng Du Trên Đình Mùa Xuân. Những bài thơ ấy được chính tác giả giới thiệu một cách đặc dị ồn ào trong hoàn cảnh cũng vô cùng lạ lùng trên tờ giấy lộn gửi cho vợ từ nhà lao tỉnh Bảo Lộc mở đầu cho tập thơ:

“anh tin rằng tất cả những đũa làm thơ nào từ đây trở về sau dù đã vang danh thi sĩ từ bao kiếp trước nếu không đọc thuộc lòng ít nhiều bài Du Sỹ Ca này đều chẳng phải là thi sĩ nữa rồi. Qua cơn khủng hoảng kỳ lạ chiều qua khi bị túm lại, khuya qua, hay đầu ngày hôm nay anh cũng không rõ nữa, giữa hàng loạt pháo kích tương bưng, bò đại nằm dưới sàn gỗ bốn bên toàn tôn lạnh và kềm gai rào kín mít của trại giam trong thời cực loạn cổ kim không hề có này anh đã tỉnh lại tỉnh vô cùng, nhớ thơ quá nhất là các bài về bá láp này..”

Bài thơ mà tác giả gọi là “bài về bá láp” ấy là những câu thơ chỉ có hai chữ nối tiếp nhau để diễn tả một tâm tư bất định, một sự soạn của bùng vỡ, một phá đổ kinh hoàng của những cơn điên ngầm ngầm trong tâm não :

“Địa cầu

địa cầu

Trăng khô

Đang xối

Trên gối

Thiên thu

U u

Ta hát

Rợn mát

Vô thần

vỹ nhân

Đồ bỏ

Thiên tài

Cặc lỗ

Địa cầu

Địa cầu

Càng sống

Càng lâu

Tóc râu

Càng mọc

Ta càng

Muốn chọc

Khiêng đi

Ngay chóc”

Những câu thơ mà khi đọc lên, thấy được cảm giác của một người đang mê lạc vào một không gian thời gian khác mà ở đó nổi hậm hực niềm phẫn uất trào ra trên ngôn ngữ để mờ nhạt đi

cái câu thúc, cái giam cầm của giây phút hiện tiền. Thơ như những tiếng cười cợt, nhỏ vào cuộc sống những nỗi niềm của một thời thế lộn nhào nhiều như ông...

Năm 1972, Nguyễn Đức Sơn đã làm những câu thơ như vậy thì năm 1987, trong khi sống ở chế độ XHCN đã cũng với những câu hai chữ ấy mạnh mẽ phản ứng trước sự trái tai gai mắt:

“Đụ mẹ
Cây bông
Hấn không
Lao động
Ai trồng
Chặt chỗ
Mày nhỏ
Xem sao
Màu trào
Thiên cổ”

Một bài khác cũng với thi tứ ấy ví von ấy phẫn nộ ấy:

“Bông hồng
Mới nở
Mắc cỡ
Đời hay
Hương sắc
Ai bày
Sáng nay
Ta chết”

Khi nghệ thuật không còn chỗ đứng, khi cái đẹp bị dày vò dẹp bỏ để thay vào những lý tưởng bắt buộc con người phải tuân theo những lý thuyết của những kẻ không tim không óc chỉ nhìn gần mà chẳng thấy xa. Khi Cộng sản chiếm được cả nước, những hoa viên đẹp, những bãi cỏ tươi xanh, những lề đường sạch sẽ được cuốc lên, đào bới nham nhở để trồng những luống khoai lang, những cây khoai mì trơ trẽn chỉ có giá trị tượng trưng nhắc nhở lao động mà không có giá trị thực tế nào. Bởi vậy nên Nguyễn Đức Sơn mới viết: “máu trào. Thiên cổ” hay: “sáng nay / ta chết”...

Khi in tập thơ Tĩnh Khẩu, Nguyễn Đức Sơn đã viết: ...Mà có lẽ từ đây về sau, cũng vậy thôi, tôi không tìm được ngôn ngữ để nói về những tác phẩm văn và thơ của tôi nữa. Lửa và Tịch Mịch, hay đúng hơn, Lửa Tịch Mịch đã tràn ngập cả xác hồn tôi từ bao giờ rồi, kể cả, và đôi khi, nhất là, trong những giọng chữ đùa nghịch vô ý thức (hiểu trên cả bình diện luân lý và triết lý) làm cho ngay cả những ai quen hay lạ vốn có thiện cảm mạnh mẽ với tôi đều phải lắc đầu. Khởi điểm của ngộ nhận đó...”

Nhà văn Bửu Ý là một người bạn và có nhiều hiểu biết về cuộc sống của ông trong một truyện có viết và ví Nguyễn Đức Sơn như một con tê giác cứ húc bừa húc bãi bề phía trước như có một ngọn lửa đốt thâm tâm. Ông lao về những đích đến nhiều khi không định hướng bởi sự thôi thúc nào đó. Với người, ông cấu kính gây sự, không lý gì đến bạn mà cũng chẳng ngại ngừng gì với thù, nói và viết theo ý riêng mình kiểu của một kẻ quen sống đơn độc trong cách ăn nói cư xử có sự nghiệt ngã phê phán quá đáng. Nhưng với thiên nhiên thì mở lòng ra, thoải mái rất thông dong ở những vùng biển vùng núi của những quá khứ của cuộc sống đã qua của những mơ ước đã có, đã hằng hiện hữu...

Nhớ về thi sĩ Nguyễn Đức Sơn Đình Cường

Từ một nguồn khác với tựa đề:

NGUYỄN ĐỨC SƠN – NGỌN LỬA TỊCH MỊCH

Thiếp (*) ơi, đọc tháng Tư, nhớ về Saigon của bạn trên blog Nguyễn Xuân Hoàng và bạn hữu ...bạn nhắc ở cuối bài, tháng tư vọng lên câu chữ thề nổi tiếng của thi sĩ Sơn Núi làm tôi nhớ Nguyễn Đức Sơn hồn danh Sơn Núi quá, lật những trang trong quyển vở đã ố vàng, tìm lại những câu thơ mà Sơn đã ghi trong đó, năm 1987, có câu chữ thề nổi tiếng (Ian Bùi đã dịch ra tiếng Anh rất hay) ghi lại cho đúng như thế này:

*Đu mẹ
Cây bông
Hắn không
Lao động
Ai trồng
Chặt chỗ
Mày nhỏ
Xem sao
Máu trào
Thiên cổ
Và bài kế tiếp:
Bông hồng
Mới nở
Mắc cỡ
Đời hay
Hương sắc
Ai bày
Sáng nay
Ta chết*

Từng câu hai chữ, chữ đầu viết hoa ...Sơn Núi rất kỹ và khó tánh, sai một chút là chàng ta chữ thề. Đọc hai bài trên, nhớ lại tập Du sỹ Ca, tác phẩm thứ mười một của Nguyễn Đức Sơn, An Tiêm xuất bản năm 1973, có đoạn gần cuối, trang 35:

*Địa cầu
Địa cầu
Rồi đây
Lụi hụi
Tới ngày
Quá vui
Mày tan
Thành bụi
Tro than
Mê man
Mở đui
Ta khụi
Kèo rui*

*Một mai
Ai tới
Ai lui
Ai chùi
Vắng lặng*

mới thấy thi sĩ là kẻ tiên tri ...nói như Rimbaud, địa cầu như càng ngày càng nóng lên với bao nhiêu trận động đất vừa qua ...Cuối tập, tác giả viết: Bài về này tưởng đã được hoàn tất giữa một đêm rạng sáng ở nhà, trong một cái lò bánh mì đốt củi cũ mục bỏ hoang, đột hứng, tác giả đã phóng đại triển khai thêm một nửa số câu, nằm viết trong nhà đá lờm chờm, nhầy nhụa, chật cứng, bít bùng, chỗ giam của Quân Cảnh Tư Pháp Bảo Lộc, khuya 25 tháng 8 năm 1972 lúc đã được hốt từ lao tỉnh qua.

Như vậy, câu chửi thề mà Thiệp nhớ, với Sơn là dạng một bài về ghi lại trong một hoàn cảnh đáng nguyên rủa, ngộp thở ...lao động là vinh quang. Có nên nhắc lại một ít về Sơn (1) không? Cứ nhớ giọng đọc của Trương Hồng Sơn, tiến sĩ toán, làm việc tại NASA, Maryland, người bạn học cùng lớp với Nguyễn Đức Sơn thời trung học ở Nha Trang:

*Khi thắm mệt tôi đi luồn ra núi
Cuối chiều tà chỉ gặp bãi hoang sơ
Bước lùi thúi tôi đi luồn vô núi
Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô
Chân rục rã tôi đi luồn ra núi
Hồn rưng rờ trước mặt bãi hư vô*

Cùng học với thầy Nguyễn Đức Nhơn (thân sinh của Nguyễn Đức Sơn) dạy Pháp văn và thầy Thạch Trung Giả dạy Việt văn, người thầy Sơn rất kính nể.

Trong thư gửi cha từ Blao đề ngày 19.8.1972 thay lời tựa cho tập thơ Tịnh Khẩu: "...Bởi con mà có cái tham vọng gì, con một thằng sống bằng lửa tịch mịch, bằng hơi lạnh thiên thu. đến cả mộng mơ đích thực còn không có, hay chỉ có toàn là mộng không:

*Sáng mênh mêng
Ta đi thơ thần trong vườn hồng
Ồ bông,
ồ mộng,
ồ không.*

Ba không thấy sao, chính cái bọn tự cho mình là trượng phu, là kẻ sỹ, lại là bọn người tha thiết nằm trong cái guồng máy vô tâm, thúc hối cái guồng máy đó nghiền nát không những bao kẻ phiêu hốt mà luôn cả những kẻ nào còn mang trong người chút xíu lẽ công bình còn sót lại với trời đất. Vả chẳng, bày tỏ cái gì nữa đối với cái thằng đàn ông đã lê tới và đã đi qua cái đỉnh tịch mịch khốc liệt chưa từng thấy là con? Ôi cái giọng của con, cái giọng thơ văn con, mà ngay cả một người đầy tâm huyết và khí phách với bản tính vô cùng thận trọng là nhà văn hóa đầu bạc phơ Nguyễn Hiến Lê cũng cho là "khác cả thế hệ này nữa vì cá tính quá đặc biệt".

Bừu Ý trong một tự truyện đăng trên Văn năm 1973 đã viết về Sơn là "hình ảnh của con tẻ giác, từ tính tình đến cách ăn nói, dáng đi, Húc bữa về phía trước không kể thiệt hơn, không tính hậu quả. Thêm thù và bót bạn. Đơn độc quắc queo. Dã man nghiệt ngã. Chỉ thông dong ở chốn không người: rừng và biển ..."

Thật vậy, không ai đánh đổi cả đời mình với rừng như Sơn Núi. Sơn vẫn ở riết trên Phương Bối Am từ sau 1975 đến nay (Phương Bối Am là một vùng đồi rộng ở Bảo Lộc từ Sài Gòn đi quốc lộ 20 lên Đà Lạt, qua cầu Đại Lào, bên tay trái, đi sâu vào xã Lộc Châu tới con dốc dẫn lên một

vùng đồi rộng là Phương Bối Am. Thầy Nhất Hạnh đã xây một thiền thất giữa đồi thông mệnh mông, thơ mộng ấy. Sau 1975, ngôi nhà bị sập, cả vùng đồi tan hoang, chỉ còn lại cái bể cạn lớn, khô nước, trơ bốn vách tường xi măng).



*Thi sĩ Nguyễn Đức Sơn (phải)
và Hoạ sĩ Đinh Cường ở căn
chòi trên Phương Bối Am*

Sơn đã đưa gia đình lên đó, che cái mái tranh, vách ván, cả nhà chui vào ở. Sơn, Phượng vợ Sơn cùng chín đứa con, bảy trai hai gái: Thạch, Vân, Thảo, Thủy, Không, Lão, Yên, Phương Bối, Tiểu Khê... *"Những đứa trẻ lớn lên cũng hoang dại như núi rừng, không cách chi sinh sống được. nên tất cả đều lần lượt được gửi vào nương náu nơi cửa chùa. Ngoại trừ Thạch đã có cuộc sống riêng và cắt đứt liên hệ với gia đình, Thảo nằm kia từ lâu lắm, nắm mồ chơ vơ trên ngọn đồi yên ả mây bay. Vân từ chối cơ hội sang Pháp tu học, tạm quay về để gom tất cả bốn người em trai, nuôi ăn học lại dưới một mái nhà tại chân Phương Bối, trong đó Thủy đang theo học cao cấp Phật học tại Sài Gòn. Yên, Không, Lão rời chùa về nhà theo thế học."* (Mù hạ, về Phương Bối – Hàm Anh)

Năm 2005, tôi ghé thăm Sơn Núi. Trên đường lên Đà Lạt, Sơn hẹn ở một quán cà phê quen thuộc bên đường quốc lộ gần cầu Đại Lào rồi đi chiếc xe gắn máy cỡ nhỏ hướng dẫn về nhà. Bây giờ đường đi đã mở rộng, xe hơi vào đến đậu ở chân đồi. Trưa im vắng giữa đồi thông xanh lao xao gió, chúng tôi ngồi ăn mâm cơm chay cùng nhau trên nền xi măng cao bên hông căn chòi nhỏ Sơn ở một mình ... Nhà gỗ bên dốc trái là Phượng ở cùng hai cô con gái út Phương Bối, Tiểu Khê, rất xinh đẹp, đang học trung học. Tôi còn gặp cháu Yên, người gầy cao giống mẹ, bị chứng đau mắt nặng, ngồi trong bếp phụ mẹ làm cơm trưa đãi khách. Một buổi trưa thật cảm động, với buồng chuối sứ Sơn chặt đem vào ...khoe tài trồng chuối, trồng mít của mình ngoài tài trồng cả rừng thông quanh Phương Bối, mà kể lại là cả một câu chuyện dài ...đầy máu và nước mắt về Sơn Núi ...

Cũng vui là những năm gần đây, Sơn Núi đã chịu tiếp các nhà báo, nhà làm phim để phỏng vấn, viết và quay phim về mình: "Sơn Núi" Lão du sĩ cuối cùng, bài về mỗi tuần một chân dung của Lê Quang Kết trên Thể Thao & Văn Hóa, số 49, 18.6.2002 Trang Phóng sự & Ký sự báo Tuổi Trẻ ngày 6.7.2002 với bài của Quốc Việt Ân sĩ cuối Cùng và đồi thông Phương Bối : ... *"Vừa nói lão vừa dẫn tôi lang thang tham quan đồi thông rộng xấp xỉ 30 ha. của mình. Khoảng vài ngàn ngọn thông lớn nhỏ, nhiều cây cao đã 6 -7 mét. Nhưng rồi ngậm ngùi biết bao khi lão lần xuống triển đồi và chỉ cho tôi xem hàng ngàn cây thông nhỏ với những lỗ đất trống không xen kẽ khắp nơi. Tôi cứ trồng xuống, người ta lại nhổ lên, rồi tôi lại trồng xuống... Kể về mình, lão đã cười đến chảy nước mắt khi nói đến độc chiêu để bảo vệ thông. Cứ cây nào ra cảnh đẹp là lão phéng ngay cảnh đó để chặn mấy tay vô tâm chỉ vì một cảnh ưng ý mà hạ luôn cả cây. Rồi gần đến mùa Noel lão sẽ châm lửa đốt rừng thông lớn của mình, do thông lớn gặp than lửa sẽ không chết mà càng cao tốt thêm trong khi những cảnh bên dưới sẽ xấu đi ..."*

Sơn ký tặng tôi CD ghi lại Buổi giao lưu của đoàn phim HTV về tác giả Nguyễn Đức Sơn với Hải Chuyên, người đẹp dẫn chương trình ..., với tôi, thông với thơ là một. Trong núi thơ có đồi thông. Trong đồi thông có núi thơ. Núi thơ là đồi thông. Đồi thông là núi thơ. câu mà tôi ghi nhớ

nhất của Sơn trong phần trả lời các câu hỏi ...và bài thơ Sơn ghi trên mặt CD:

*Ngày mai núi cũ tôi về
Dĩ nhiên hạnh phúc tràn trẻ em ơi
Thơ bay từ cổ ngút trời
Quanh năm bảo đảm tuyết vời nước mây
Cớ sao đấng tử bặc thầy
Hỏi ra từ đá tới cây lắc đầu*

Sơn Núi, đấng tử bặc thầy đúng vậy, và nhắc đến bạn là từ đá tới cây lắc đầu thật. Nhưng sao trong lòng tôi vẫn luôn nghĩ đến một người bạn quý hiếm, đã đánh đổi cả cuộc đời mình cho Ông Nghệ Thuật, như lời bạn nói.

(1) Nguyễn Đức Sơn sinh ngày 18 Nov.1937 tại làng Dư Khánh (Thanh Hải) gần bên bờ biển Ninh Chữ tỉnh Bình Thuận. Học trung học Võ Tánh Nha Trang, Đại học Văn Khoa Saigon 1967. Đã xuất bản 3 tập truyện ngắn Cát Bụi Mệt Mỏi (An Tiêm 1968), Cái Chuồng Khỉ (An Tiêm 1969), Xóm Chuồng Ngựa (An Tiêm 1971) và tập Ngồi Đợi Ngoài Hành Lang chưa in, 11 tập thơ: Bọt Nước (Mặt Đất 1966), Hoa Cô Độc (Mặt Đất 1965), Lời Ru (Mặt Đất 1966), Đêm Nguyệt Động (An Tiêm 1967), Mộng Du Trên Đỉnh Mùa Xuân (An Tiêm 1972), hai tập cuối cùng là Tịnh Khẩu (An Tiêm 1973) và Du Sỹ Ca (An Tiêm 1973).

Bút hiệu đầu tiên Sao Trên Rừng đã cộng tác với các tạp chí: Bách Khoa, Sáng Tạo, Thế Kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ, Khởi Hành, Văn

Truyện ngắn Ý Tưởng Chiều Tà in trong Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta. Bài thơ tôi thích nhất của Nguyễn Đức Sơn: Đêm thăm bạn sắp đi ở Di Linh (trong Thơ Tự Do Miền Nam, Thư Ấn Quán xuất bản)



Nguyễn Đức Sơn
Tranh Đinh Cường

Chú thích

“,,Thiệp (*) ơi, đọc tháng Tư, nhớ về Saigon của bạn trên blog Nguyễn Xuân Hoàng và bạn hữu..”: Xin đọc Nguyễn Đức Sơn...người trồng cây quái dị, tác giả Nguyễn & Bạn hữu, trang 19, ở “Tác giả và Tác phẩm Nguyễn Đức Sơn III)

Đụng độ Nguyễn Đức Sơn Bùi Chí Vịnh

Kỷ niệm ngày gặp nhau lần đầu với thi sĩ “Sao Trên Rừng” tức Nguyễn Đức Sơn tại am Phương Bối, Đại Lào thuộc Bảo Lộc,

“Hột-thì-le” thực đó sao?
Ta dân thầy lỗ đến chào đồng môn
Xưa nay hai kẻ du côn
Ít khi đời sống cô hồn như nhau
Như miếng trầu khác miếng cau
Nhưng có cau, chẳng có trầu như không
Như không sinh chuyện động phòng
Hột sao le được nụ hồng thi ca
Như không sinh nở đàn bà
“Cái lỗ – tối cổ” thành ra tầm thường

Ta thừa văn, bác dư chương
Hôm nay một chén hồ trường chao nghiêng
Thiên tài nhờ lỗ tai thiên
Buồn lên núi hú chẳng phiền Tarzan
Buồn hái nấm luyện thành sâm
Buồn quay vào vách kính thăm Đạ Ma
Buồn hơn, xuống động bẻ hoa
Buồn hơn chút nữa, kiếm ta đỡ buồn
Kiếm ta, ta cứ ngông cuồng
Sánh vai với Nguyễn Đức Sơn cũng kỳ
Kỳ thì theo Thiệu mà đi
Ta theo bác đã chắc gì tịnh tâm
Chẳng thà bút vẩy, thơ đâm
Rong chơi đợi trận cát lằm đi qua
Đừng khen chê trước mặt ta
Sợ e tiếng gáy làm gà ghét nhau
Cầm bằng trong cuộc bể dâu
Cựa nhau chén rượu cho sầu chia hai
(Bùi Chí Vịnh)

Ghi chú : Những chữ “Hột thì le”, “Cái lỗ tối cổ” trong bài thơ là thi từ của Nguyễn Đức Sơn.

Phụ đính :

Theo tác giả Bùi Ngọc Tuấn, hai bài “Đêm Khơi” thời trước, ký tên Sao Trên Rừng, và bài “Nhấn” thời sau, ký tên Nguyễn Đức Sơn hé cho ta thấy cái diễn tiến trong cách bày tỏ tâm tưởng của Nguyễn Đức Sơn:

Trên bờ hư không

một đêm *sao ở trên rừng*
đua nhau rụng xuống chào mừng nhân gian
hồn tôi cây cối liên hoan
rưng rưng tôi thấy trăm ngàn ước mơ
tuổi vàng tuổi mộng trời thơ
lớn lên tôi chết trên bờ hư không.

Đêm khơi

Lên đèn thuyền dạt xa miền
Nửa đêm bùng tĩnh man thiên một trời
Trăng lên thượng đế đi rồi
Hỏi mây thái cổ con người vẫn vi
Lối mòn cỏ mộ xanh rì
Ngoài ra còn chẳng có gì nữa sao
Đảo buồn thổi gió lao xao
Ngàn xưa còn tiếng thì thảo biển khuya
(*Sao Trên Rừng*)

Nhấn

Mai sau người nhớ đến ta
Từ lâu xuống lỗ làm ma mất rồi
Đường xa xin chớ bồi hồi
Mồ hoang nhảy đại lên ngôi đi cha
(*Nguyễn Đức Sơn*)

Sau khi tắm

sáu mươi thẳng đứng tồng ngồng
xoay qua trở lại đừng hòng nghe con
chúc cho thân thể chết mòn
để xem thần trí mày còn hay không
(*kỷ niệm Tổng nha, trại C, quên phòng, quên ngày*)

Chuyện ngày xưa

nửa đêm thức dậy nấu chè
lim dim hai mắt ai dè rất ngon
gọi em giấc mộng vương tròn
trăm năm bếp lửa chưa bòn đầu em
(*kỷ niệm Tổng nha trại B, phòng 17, 24.5.1968*)

Sự thật

năm thằng ngọt thờ trong phòng
năm thằng tù nữa muốn thòng cổ ra
căn phòng thước sáu nhân ba
thầy chú bắt được chết cha chúng mày
(kỷ niệm Tổng nha, trại B, phòng 17, 26.5.1968)

Đêm nguyệt động

Năm mươi bốn có lần anh ngó thấy
Em cỡi trườn ngoe nguẩy cuối vườn trăng
Hồn thảo dã trong đêm vừa thức dậy
Khấp bầu trời ướt mượt cả lông măng
Từ dạo đó xác hồn anh mất hết
Một đêm nào trở lại cõi vô biên
Đòi anh đó đâu có bằng hạt cát
Đã vô tình vương dưới gót chân em

Một sáng hồng

tôi dừng lại giữa năm mươi sáu tuổi
một sáng hồng nghe nắng rụng tan hoang
tôi nằm xuống phập phồng hai lá phổi
sao mảnh đời đang chảy bỏng khô rang
đau nhức quá trong tôi niềm tuyệt đối
nên cỡi quần chạy giữa đám vi lô
tôi động cõn nhảy kè bên khe núi
rồi ôm đầu lao thẳng xuống hư vô

Qua mười sáu năm

Em thờ bằng tình sương
Ngủ bằng mộng寐
Ồi cánh rừng cao nhất Dran
Em không nhìn thấy sao
Chỗ chuyến xe lửa đi qua
Êm đềm êm đềm
Như một cơn ác mộng
Nửa đêm tàn phá tâm hồn tôi

Bốn mươi hai
Tiếng hát đời người
Năm ba mươi tám tôi không gặp nàng
Lúc bấy giờ chắc tôi còn nhỏ lắm
Năm hai mươi bảy tôi cũng chưa gặp nàng
Lúc bấy giờ chắc tôi chưa biết vui

Lúc bấy giờ chắc tôi chưa biết chết
Lúc bấy giờ chắc tôi chưa biết khóc

Bọt nước

Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
Nhìn trước nhìn sau thấy rõ ràng
Những người đi trước sầu đeo nặng
Những người đi sau sầu không tan

Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
Thấy hay hay nhưng làm sao cười
Như chuyện lớn lên rồi có vợ
Cuối đời về đất lạnh nằm xuôi

Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
Thấy vắng tan hoang ngụt đất trời
Cha mẹ anh em còn đông đủ
Mình tôi sao mới sầu không nguôi

Ngập ngừng chân bước con đường vắng
Mây trắng bay lên òa đất trời
Tôi cúi đầu nghe mình nhỏ lệ
Biết chuyện gì rồi cũng buồn thôi

Rộng biển trời ơi cái chán chường
Nhặt phèo cả những mối sầu vương
Ôi từng đêm thức nghe xa vắng
Về ngập trong hồn tự bốn phương

Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
Đôi lúc còn mơ chuyện trên trời
Đôi lúc còn buồn chuyện xa xôi
Khi biết trước sẽ lui về hủy diệt

Vẫn biết thương nếu cha mẹ chết
Vẫn thấy sầu khi nhớ người yêu
Nhưng tình tôi thì vẫn không đều
Biết sao được hỏi người tôi mến

Vâng tình tôi thì cũng không nhiều
Coi tất cả chỉ là bọt nước
Vâng tất cả chỉ là bọt nước

Nguyễn Đức Sơn – Thơ

từ đó

từ đó
giọt lệ phải sa
cho thiên hà
lấp ló

viễn cảnh

giết
hết vi trùng
ta nổi khùng
là phải

dưới trời

nếu
chỉ kêu la
thì
ta sinh ra
hơi
bị uổng

không ai ngăn

không ai ngăn
thi sĩ
khi quá đói
đi kiếm ăn
cùng thầy bói
dấu mặt mày
làm sao
tươi rói...

đành vậy sao

sau hết
không phải là
cái chết
mà chính là
nhưng đầu óc
rất đáng
khóc

dưới trăng tà...ôm bóng

khí đột
khi hết lên gân
đâu dễ thành doanh nhân
cấp kiện tướng
đừng quá sướng
mà hựt
để ngậm ngùi
quần cụt
ngõ lớn vô ra
dưới trăng tà
ôm bóng...